

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày: 27/01/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chế Thị Hồng Cẩm.
2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Néang Ly, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 12 năm 2021, ngày 04 và ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2021/QĐST-DS ngày 14/7/2021, Giấy báo mở lại phiên tòa số 11/TB-TA ngày 29/11/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 55/2021/QĐST-DS ngày 15/12/2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 04/01/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1982, địa chỉ: Tổ 26, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1986 và bà Lê Thị Trúc C2, sinh năm 1993, địa chỉ: Tổ 1, ấp D, xã E, huyện F, tỉnh An Giang; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 30/03/2021 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thanh H trình bày:

Ngày 04/11/2019, ông H có cho ông Nguyễn Văn C1 và bà Lê Thị Trúc C2 vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn từ ngày 04/11/2019 đến 04/11/2022, mục đích để làm ăn, thỏa thuận lãi suất 03%/tháng. Để đảm bảo cho khoản vay, ông C1, bà C2 đã thế chấp cho ông H quyền sử dụng đất có diện tích 207,4m² và quyền sở hữu căn nhà gắn liền, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS04976 do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp ngày 24/5/2017 cho ông C1, bà C2.

Quá trình vay, ông C1, bà C2 đã trả được 09 tháng tiền lãi với số tiền 81 triệu đồng thì ngưng cho đến nay, chưa trả vốn. Nên ông H khởi kiện yêu cầu ông C1, bà C2 trả cho ông vốn 300 triệu đồng và tiền lãi theo quy định tính từ ngày 04/9/2020 đến ngày xét xử với lãi suất 01%/tháng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông H cung cấp: Bản sao Hợp đồng vay tài sản ngày 04/11/2019 đã được Văn phòng Công chứng Tri Tôn công chứng, bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS04976 do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp ngày 24/5/2017 cho ông C1, bà C2.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông C1, bà C2 không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp lời khai và tài liệu, chứng cứ.

Theo kết quả xác minh ngày 29/4/2021, Công an xã Lương An Trà xác nhận ông C1, bà C2 có đăng ký thường trú tại tổ 01, ấp Ninh Phước, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nhưng không còn sống ở địa phương, không rõ đi đâu. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/5/2021, không có ai đang tranh chấp quyền sử dụng phần đất có diện tích 207,4m² và căn nhà gắn liền, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS04976 do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp ngày 24/5/2017 cho ông C1, bà C2.

Do ông C1, bà C2 không đến Tòa án theo triệu tập nên không tiến hành hòa giải được.

Theo Công văn số 56/2021/TGĐĐ ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Thế giới di động thể hiện ông C1, bà C2 có chuyển tiền cho ông H từ ngày 12/6/2020 đến ngày 15/12/2020 là 56.500.000 đồng.

Theo Công văn số 2923/CNTT ngày 31/12/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Tri Tôn xác định, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS04976 do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp ngày 24/5/2017 cho ông C1, bà C2 không có đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Tri Tôn.

Tại phiên tòa,

Ông H có mặt, giữ nguyên toàn bộ yêu cầu ông C1, bà C2 có trách nhiệm liên đới trả vốn vay 300 triệu đồng và tiền lãi tính từ ngày 04/9/2020 đến khi vụ

án được xét xử với lãi suất 01%/tháng.

Ngoài ra, ông H còn trình bày, hợp đồng vay 300 triệu đồng giữa ông với ông C1, bà C2 có công chứng chứng thực ngày 04/11/2019, thỏa thuận lãi suất cho vay 01%/tháng, nhưng thực tế trả lãi với lãi suất 3%/tháng, ông C1, bà C2 đã trả lãi được 09 tháng với số tiền 81 triệu đồng bằng hình thức trả tiền mặt và chuyển khoản thông qua cửa hàng Điện máy xanh, không nhớ rõ từng lần trả bao nhiêu, chỉ qua tổng kết với ông C1, bà C2 thì hai bên xác định đã trả lãi đủ 09 tháng. Đối với số tiền 9,5 triệu đồng đồng do Cường trả qua Điện máy xanh vào ngày 13/11/2020 là do trước đó ông C1, bà C2 không trả lãi đủ nên 500.000 đồng vượt cũng là tiền lãi. Ông H đồng ý điều chỉnh số tiền lãi đã trả với lãi suất 01%/tháng.

Đối với phần thế chấp quyền sử dụng diện tích 207,4m² đất, tờ bản đồ số 22, thửa số 64, tọa lạc tại xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS04976 do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp ngày 24/5/2017 cho ông C1, bà C2, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông tự nguyện trả lại cho ông C1, bà C2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS04976 do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp ngày 24/5/2017.

Ông C1, bà C2 vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Thẩm phán thực hiện thụ lý vụ án, xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát cùng cấp đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, điểm đ, h khoản 2 Điều 97, Điều 207, Điều 209, Điều 210 BLDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng không tham gia trong quá trình giải quyết vụ án là vi phạm quy định Điều 70, 72 BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ biên bản xác minh ngày 29/4/2021 do TAND huyện Tri Tôn lập, xác định hiện tại ông C1, bà C2 đã bỏ địa phương đi, không rõ đi đâu nhưng vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương.

Theo nội dung hợp đồng vay ngày 04/11/2019 do ông Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Văn C1, Lê Thị Trúc C2 lập tại văn phòng công chứng Tri Tôn thể hiện ông C1 và bà C2 có vay của ông H số tiền 300.000.000 đồng, lãi 1%/tháng, ông C1, bà C2 thế chấp GCN (thửa số 64, tờ bản đồ số 22, diện tích 207,4m2 tọa lạc tại ấp Ninh Phước, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang) để đảm bảo số nợ. Quá trình vay, vợ chồng ông C1 chưa trả vốn, chỉ trả lãi nhiều lần tương đương 09 kỳ thì ngưng là vi phạm khoản 1 Điều 3 hợp đồng vay ngày 04/11/2020. Do đó, nhận thấy việc ông H yêu cầu ông C1 và bà C2 trả số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Đối với lãi suất: Căn cứ hợp đồng vay ngày 04/11/2019, thì giữa ông C1, bà C2 và ông H có thỏa thuận lãi suất vay là 1%/tháng. Tuy nhiên, căn cứ đơn khởi kiện ngày 30/3/2021, bản tự khai và chứng cứ thu thập được xác định hai bên thỏa thuận lãi 3%/tháng và đóng được 09 tháng tiền lãi (tức đã đóng đến hết ngày 04/8/2020). Nay, ông H yêu cầu ông C1 và bà C2 tiếp tục đóng lãi theo hợp đồng kể từ ngày 04/9/2020 là có căn cứ. Tuy nhiên, đối với lãi suất mà ông C1 và bà C2 đã đóng 3%/tháng và đã đóng 09 tháng cho ông H là cao so với quy định tại Điều 468 BLDS và thỏa thuận trong hợp đồng nên cần điều chỉnh lại theo hợp đồng.

Ông H tự nguyện trả lại GCN QSDĐ khi ông C1, bà C2 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Từ những nhận định trên, đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông C1, bà C2 trả ông H tiền vốn 300 triệu đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng.

Công nhận sự tự nguyện của ông H về việc tự nguyện trả lại GCN QSDĐ khi ông C1, bà C2 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn có địa chỉ tại Tổ 1, ấp D, xã E, huyện F, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ pháp luật tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Sự vắng mặt của đương sự: Theo Hợp đồng vay tiền ngày 04/11/2019, có công chứng tại Văn phòng Công chứng Tri Tôn thể hiện địa chỉ của ông C1, bà C2 tại ấp Ninh Phước, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Mặc dù còn trong thời gian phải thực hiện hợp đồng vay nhưng ông C1, bà C2 đã bỏ địa phương đi mà không khai báo tại địa phương nên có cơ sở xác định ông H đã cung cấp đúng địa chỉ của ông C1, bà C2 và ông C1, bà C2 thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ.

Giai đoạn xét xử, ông C1, bà C2 đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai và thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[1] Đối với hợp đồng vay:

[1.2] Về vốn vay:

Căn cứ lời khai của ông H và Hợp đồng vay tiền ngày 04/11/2019 đã được công chứng chứng thực, có cơ sở xác định: Ngày 04/11/2019, giữa ông H với ông C1, bà C2 có thỏa thuận vay 300 triệu đồng, tại khoản 3 Điều 3 của hợp đồng thỏa thuận khi giao nhận tiền hai bên phải lập biên nhận riêng. Quá trình giải quyết vụ án, ông H không cung cấp được biên nhận giao 300 triệu đồng cho ông C1, bà C2. Tuy nhiên, căn cứ vào Công văn số 56/2021/TGDD ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Thế giới di động thể hiện trong khoảng thời gian từ ngày 12/6/2020 đến ngày 15/12/2020, ông C1, bà C2 đã chuyển cho ông H 05 lần 09 triệu đồng, 01 lần 9,5 triệu đồng và lần cuối cùng là 06 triệu đồng, là phù hợp với lời khai của ông H về việc ông C1, bà C2 trả cho ông tiền lãi với lãi suất 3%/tháng, tương đương 09 triệu đồng. Về phía ông C1, bà C2, Tòa án đã thông báo về việc thu thập được Công văn số 56/2021/TGDD ngày 31/12/2021 cho ông C1, bà C2 biết nhưng họ không có ý kiến, cũng như cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc chuyển tiền trên thực hiện cho giao dịch, mục đích khác. Như vậy, có cơ sở xác định, ông H đã giao cho ông C1, bà C2 số tiền vay 300 triệu đồng.

Hợp đồng vay tiền giữa ông H với ông C1, bà C2 được giao kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội, các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đã được công chứng, chứng thực nên công nhận giá trị pháp lý của hợp đồng ngày 04/11/2019. Từ đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Quá trình giải quyết vụ án, ông C1, bà C2 không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả khoản vốn này cho ông H là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ông C1, bà C2 phải có trách nhiệm trả cho ông H tiền vốn còn nợ là 300.000.000 đồng.

[1.2] Về tiền lãi:

Theo lời khai của ông H thì các bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 03%/tháng, là cao hơn so với quy định nên cần điều chỉnh lãi suất. Tuy nhiên, ông C1 cho rằng, quá trình thực hiện hợp đồng, ông C1, bà C2 đã trả được 09 tháng tiền lãi với số tiền 81 triệu đồng, tức lãi suất 3%/tháng, tuy không có đầy đủ chứng cứ chứng minh cho số tiền lãi đã trả là 81 triệu đồng nhưng lời khai của nguyên đơn có lợi cho bị đơn (so với xác nhận của Công ty cổ phần Thế giới di động thì số tiền lãi đã trả là 56,5 triệu đồng) nên lời khai của ông H về việc

ông C1, bà C2 đã trả lãi 81 triệu đồng với lãi suất 3%/tháng là có cơ sở chấp nhận.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ngoài lời khai của ông H cho rằng, ông C1, bà C2 đã trả được 09 tháng tiền lãi thì phía ông C1, bà C2 cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh đã trả thêm khoản lãi nào khác là vi phạm nghĩa vụ trả lãi. Vì vậy, ông H yêu cầu ông C1, bà C2 trả tiền lãi tính từ ngày 04/9/2020 đến khi xét xử với lãi suất 01%/tháng là có cơ sở chấp nhận.

Về số tiền lãi phải trả: Đối chiếu hợp đồng vay tiền ngày 04/11/2019 đã được công chứng, các bên thỏa thuận lãi suất 01%/tháng là phù hợp với quy định. Đối với số tiền lãi ông C1, bà C2 đã trả có lãi suất cao hơn thỏa thuận của hợp đồng nên phải được điều chỉnh lại như sau:

Số tiền lãi ông C1, bà C2 *thực tế đã trả* tính từ ngày 04/11/2019 đến ngày 03/9/2020: $300.000.000 \text{ đồng} \times 03\% \times 09 \text{ tháng} = 81.000.000 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi ông C1, bà C2 *phải trả theo thỏa thuận* tính từ ngày 04/11/2019 đến ngày 03/9/2020: $300.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 09 \text{ tháng} = 27.000.000 \text{ đồng}$.

Nên từ ngày 04/11/2019 đến ngày 04/9/2020, ông C1, bà C2 *đã trả dư tiền lãi* 54.000.000 đồng.

Số tiền lãi ông C1, bà C2 *phải trả theo thỏa thuận* tính từ ngày 04/9/2020 đến ngày 27/01/2022: $300.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 16 \text{ tháng} 23 \text{ ngày} = 50.600.000 \text{ đồng}$.

Khấu trừ số tiền lãi đã trả dư nên ông C1, bà C2 phải chịu tiền lãi tính từ ngày 04/9/2020 đến ngày 27/01/2022 là 3.400.000 đồng.

[2] Về hợp đồng thế chấp: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Ghi nhận sự tự nguyện của ông H về việc trả cho ông C1, bà C2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS04976 do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp ngày 24/5/2017 cho ông C1, bà C2.

[3] Về lệ phí và án phí dân sự sơ thẩm:

Ông H có yêu cầu thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông C1, bà C2 nên ông H phải chịu lệ phí là 03 triệu đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000778 ngày 02/7/2021 của Công ty Cổ phần Truyền thông Công lý và Phiếu thu số 355 ngày 18/6/2021 của Trung tâm Quảng cáo và dịch vụ truyền thông chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ.

Ông H được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, ông C1 bà C2 phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ phải thực hiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 180, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H;

Buộc ông Nguyễn Văn C1 và bà Lê Thị Trúc C2 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh H 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng vốn vay và tiền lãi 3.400.000 (ba triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thanh H về việc ông H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn C1 và bà Lê Thị Trúc C2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS04976 do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp ngày 24/5/2017 cho ông C1, bà C2.

* Về lệ phí, án phí dân sự sơ thẩm:

- Lệ phí: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu lệ phí là 3.000.000 đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000778 ngày 02/7/2021 của Công ty Cổ phần Truyền thông Công lý và Phiếu thu số 355 ngày 18/6/2021 của Trung tâm Quảng cáo và dịch vụ truyền thông chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002265 ngày 30/3/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Ông Nguyễn Văn C1 và bà Lê Thị Trúc C2 phải chịu 15.170.000 (mười lăm triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông H có quyền kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông C1, bà C2 là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt đúng quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND H. Tri Tôn (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS H. Tri Tôn (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Tâm